TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2025
V/v *"Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGH VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thạch Út

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số:126/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Bình Phú 1,xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang

Tạm trú: số 40, ấp Bình Phú 1, xã Bình H, huyện Châu Th, An Giang

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng Ngh, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp Bình Phú 1,xã Bình H,huyện Châu Th, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/02/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Ngh chung sống với nhau năm 1999, hôn nhân do tự tìm hiểu, có kết hôn tại UBND xã Bình H, huyện Châu Th, An Giang ngày 24/9/2008. Sau khi cưới thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó nhiều lần ông Ngh có quan hệ với những người phụ nữ khác, bà nhiều lần bắt gặp và ông Ngh cũng đề nghị ly hôn nhưng do thời gian đó bà vẫn còn thương chồng và thương các con còn nhỏ nên không muốn ly hôn. Đến năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân đến nay khoảng hơn 02 năm, thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng,

nay bà thấy không còn tình cảm với ông Ngh nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung Trần Hoàng Ngh, sinh năm 2000 (đã trưởng thành, có khả năng lao động). Riêng cháu Trần Hoàng B, sinh ngày 03/11/2007; Hiện cháu B vẫn còn đi học, bà đang lo cho cháu đi học vài tháng nữa là cháu trưởng thành, do đó bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B, không yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Bị đơn ông Trần Hoàng Ngh trình bày tại biên bản hòa giải ngày 14/3/2025 tại Tòa án:* thống nhất lời trình bày của bà Y về thời gian và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn đúng như bà Y trình bày, ông xác định trong quá khứ ông có lỗi với bà Y nhưng nay ông đã sửa đổi mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng không muốn ly hôn. Xin cho ông thêm thời gian 01 tháng để hàn gắn tình cảm vợ chồng; sau 01 tháng ông không hàn gắn được tình cảm. Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- **Về con chung**: thống nhất lời trình bày của bà Y trình bày, ông không có yêu cầu gì đối với con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung**: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày: vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Từ ngày Tòa án mời hai bên đến Tòa hòa giải; ông Ngh không đến gặp bà. Trường hợp vợ chồng gặp nhau; bà không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhiều lần, bà và ông Ngh ly thân, quay về sống lại với nhau. Vợ chồng không hạnh phúc; ông Ngh không thay đổi vẫn có những mối quan hệ ngoài vợ , ngoài chồng. Bà xác định không còn tình cảm với ông Ngh; mong Tòa xem xét giải quyết để bà còn tập trung lo cho con và cuộc sống mưu sinh.

- Bị đơn ông Trần Hoàng Ngh vắng mặt tại phiên tòa không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Y có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện; Văn bản trình bày ý kiến và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện thể hiện ông Trần Hoàng Ngh có nơi cư trú tại: tổ 4, ấp Bình Phú 1, xã Bình H; huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng thực hiện theo quy định tại 179 BLTTDS 2015. Ông Ngh không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các ông bà theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1Về hôn nhân: Giữa bà Y và ông Ngh có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 120/BH ngày 24/9/2008 là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y và ông Ngh. Mục đích tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ; nhưng phiên hòa giải tại Tòa án cả hai đều thống nhất thời gian vợ chồng ly thân và nguyên nhân để vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; chủ yếu lỗi của ông Ngh. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bà Y vẫn giữ yêu cầu ly hôn; ông Ngh không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng trong thời gian 01 tháng sau khi Tòa án hòa giải. Không đến Toà án để tham gia phiên tòa. Điều này thể hiện cả ông bà không ai muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Vợ chồng có Ngh vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Giữa ông bà đã ly thân một thời gian dài, trong khoảng thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Như vậy cả hai đã vi phạm Ngh trọng quyền, Ngh vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà Y có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Giữa ông bà có 02 con chung Trần Hoàng Ngh, sinh năm 2000(đã trưởng thành, có khả năng lao động). Riêng cháu Trần Hoàng B, sinh ngày 03/11/2007; Khi ly hôn bà Y yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Ngh cấp dưỡng; Ông Ngh không tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con. Đồng thời, tại văn bản trình bày ý kiến của cháu B ngày 22/5/2025 thể hiện con có nguyện vọng tiếp tục ở với mẹ là bà Y. Do đó, yêu cầu của bà Y phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bà Y cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Ngh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Y, ông Ngh có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y; Bà Y được ly hôn với ông Trần Hoàng Ngh.

2.Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Trần Hoàng B, sinh ngày 03/11/2007. Bà Y phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Ngh trong việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Ông Ngh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Y không yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4.Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008070 ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2025); Riêng ông Trần Hoàng Ngh có quyền kháng cáo bản án kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng Ttra, Kiểm tra và THA Tòa án tỉnh AG;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Trang